

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

NGUYỄN THỊ NGỌC THƯƠNG

KẾ TOÁN QUẢN TRỊ CHI PHÍ
TẠI CÔNG TY TNHH TÂN PHƯỚC

Chuyên ngành: Kế toán

Mã số: 60.34.30

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ QUẢN TRỊ KINH DOANH

Đà Nẵng - Năm 2013

Công trình được hoàn thành tại

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS. NGUYỄN CÔNG PHƯƠNG

Phản biện 1: PGS.TS. NGUYỄN MẠNH TOÀN

Phản biện 2: PGS.TS. ĐẶNG VĂN THANH

Luận văn đã được bảo vệ tại Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp Thạc sĩ Quản trị kinh doanh họp tại Đại học Đà Nẵng vào ngày 19 tháng 01 năm 2013.

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

Trung tâm Thông tin - Học liệu, Đại học Đà Nẵng

Thư viện trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Ngành sản xuất và chế biến gỗ đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế Việt Nam nói chung và kinh tế tỉnh Bình Định nói riêng. Theo thống kê, cả nước hiện có trên 2.500 doanh nghiệp chế biến đồ gỗ, trong đó có 970 doanh nghiệp chuyên chế biến đồ gỗ xuất khẩu, hơn 400 doanh nghiệp FDI và nhiều doanh nghiệp đã phát triển thành các tập đoàn lớn. Năm 2010, giá trị kim ngạch xuất khẩu đồ gỗ cả nước ước đạt 3,4 tỉ USD, tăng hơn 30% so với năm 2009. Theo Hiệp hội Gỗ và Lâm sản Việt Nam, kim ngạch xuất khẩu của ngành chế biến đồ gỗ năm 2011 đạt khoảng 4 tỷ USD, tăng trên 17% so với năm 2010 và dự kiến phấn đấu đến năm 2020 ngành gỗ Việt Nam sẽ đạt mốc 7 tỷ USD. Xuất khẩu đồ gỗ, đặc biệt là đồ gỗ ngoài trời của Việt Nam trong thập niên vừa qua tăng rất mạnh, đã đưa Việt Nam vào nhóm 15 nước xuất khẩu đồ gỗ lớn nhất trên thế giới (FAO). Thị trường chính của đồ gỗ Việt Nam là Hoa Kỳ (44%); EU (29%); Nhật Bản (10%); Trung Quốc (3%); Đài Loan (1%), Trung Đông và Nam mỹ.

Mặc dù thị trường khá rộng nhưng mức độ cạnh tranh trong ngành càng tăng, nhất là với các công ty chế biến gỗ Đài Loan. Sự cạnh tranh giữa các công ty trong nước và nước ngoài chủ yếu là cạnh tranh về giá cả. Hơn nữa, ngành sản xuất đồ gỗ xuất khẩu phụ thuộc rất lớn vào yếu tố mùa vụ nên ngoài mẫu mã, chất lượng thì giá cả trở thành một yếu tố quan trọng trong việc mở rộng thị trường kinh doanh. Chính vì vậy, thông tin về chi phí trong các công ty chế biến gỗ đóng vai trò vô cùng quan trọng trong việc giúp nhà quản trị kiểm soát chi phí và đưa ra các quyết định sách lược với các sản phẩm có giá cả

cạnh tranh. Từ đó, công ty có thể có nhiều khách hàng, tăng khả năng tiêu thụ sản phẩm tạo ra nhiều lợi nhuận.

Đóng vai trò không thể thiếu trong việc cung cấp thông tin về chi phí là hệ thống kế toán chi phí. Kế toán chi phí tồn tại hầu hết trong các công ty, tuy nhiên chỉ mới tập trung vào công tác kế toán tài chính, chưa hướng vào việc cung cấp thông tin phục vụ cho việc lập kế hoạch, kiểm soát và đánh giá việc lập kế hoạch trong nội bộ công ty. Công ty TNHH Tân Phước cũng không ngoại lệ. Kế toán quản trị chi phí của công ty chủ yếu là công tác kế toán tài chính, phục vụ lập các báo cáo tài chính. Hệ thống kế toán chi phí của công ty chưa thực hiện phân loại chi phí theo mức độ hoạt động, chưa tính giá thành theo phương pháp trực tiếp, chưa lập dự toán chi phí và phân tích biến động chi phí phục vụ cho việc ra quyết định kinh doanh. Với hệ thống kế toán chi phí này, thông tin chi phí của công ty khó có thể phù hợp, kịp thời và tin cậy cho việc ra các quyết định kinh doanh của các nhà quản trị, làm giảm sức cạnh tranh của công ty.

Trong môi trường kinh doanh đầy cạnh tranh, công ty TNHH Tân Phước cần khẩn trương xây dựng hệ thống kế toán quản trị chi phí để phục vụ cho việc quản lý công ty. Đó là lý do tôi chọn đề tài luận văn nghiên cứu: “Kế toán quản trị chi phí tại công ty TNHH Tân Phước”.

2. Mục tiêu nghiên cứu

Cùng với việc hệ thống hóa lý thuyết về kế toán quản trị chi phí phục vụ cho quản trị nội bộ, luận văn phân tích thực trạng vận dụng kế toán quản trị tại Công ty, nghiên cứu đưa vào vận dụng kế toán quản trị chi phí tại công ty TNHH Tân Phước nhằm phục vụ cho quản trị chi phí tại công ty, góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh trong môi trường kinh doanh đầy cạnh tranh.

3. Phạm vi và đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của đề tài nội dung kế toán quản trị chi phí. Nội dung này được phân tích ở công ty TNHH Tân Phước. Ngoài hoạt động sản xuất các sản phẩm gỗ ngoài trời, Công ty còn có hoạt động buôn bán gỗ, nhận ủy thác, nhận gia công. Tuy nhiên, luận văn chỉ tập trung nghiên cứu hoạt động sản xuất.

Số liệu nghiên cứu của đề tài chủ yếu các số liệu liên quan đến chi phí năm 2011 của công ty TNHH Tân Phước.

4. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp nghiên cứu chung của luận văn là kết hợp giữa nghiên cứu lý luận với tổng kết thực tiễn. Trên cơ sở đó luận văn sử dụng các phương pháp phân tích và tổng hợp các số liệu thực tế của công ty để làm rõ vấn đề cần nghiên cứu và đưa ra các giải pháp thực hiện. Do vậy, các phân tích của luận văn sẽ dựa trên cơ sở các lý luận chung và so sánh với tình hình thực tế của công ty.

5. Bố cục của luận văn

Ngoài phần mở đầu và phần kết luận, luận văn này gồm 03 chương. Chương 1 trình bày cơ sở thuyết về kế toán quản trị chi phí trong doanh nghiệp sản xuất. Chương 2 phân tích, tổng hợp thực trạng kế toán quản trị chi phí tại công ty TNHH Tân Phước. Tổ chức vận dụng kế toán quản trị chi phí tại công ty TNHH Tân Phước được trình bày ở chương 3.

6. Tổng quan tài liệu nghiên cứu

Kế toán quản trị chi phí trong các doanh nghiệp đã được rất nhiều tác giả nghiên cứu, cụ thể: tác giả Đoàn Thị Lành (2008) “Kế toán quản trị chi phí trong các doanh nghiệp dệt ở Đà Nẵng: Thực trạng và giải pháp hoàn thiện”. Trong luận văn này đã hệ thống hóa cơ sở lý luận về kế toán quản trị chi phí, phản ánh thực trạng kế toán

quản trị chi phí của các doanh nghiệp dệt và đưa ra những giải pháp hoàn thiện kế toán quản trị chi phí tại doanh nghiệp dệt như: phân loại chi phí sản xuất theo cách ứng xử chi phí, xác định đối tượng hạch toán chi phí, hoàn thiện phương pháp phân bổ chi phí chung và hệ thống báo cáo thực hiện chi phí sản xuất nhằm cung cấp thông tin phục vụ cho công tác quản trị chi phí. Tuy nhiên, luận văn chỉ tập trung vào đặc điểm của một số doanh nghiệp dệt tiêu biểu, chưa thực sự đưa ra những giải pháp hiệu quả đối với các doanh nghiệp dệt tại địa bàn Đà Nẵng.

Ngoài ra, luận án tiến sĩ chuyên ngành kế toán, tài vụ và phân tích hoạt động kinh tế, Đại học Kinh tế Quốc Dân; tác giả Phạm Thị Thủy (2006) “Xây dựng mô hình kế toán quản trị chi phí trong các doanh nghiệp sản xuất dược phẩm Việt Nam”. Tác giả đã hệ thống hóa cơ sở lý luận kế toán quản trị chi phí, sử dụng phương pháp điều tra thống kê để nghiên cứu thực trạng kế toán quản trị chi phí trong các doanh nghiệp sản xuất dược phẩm Việt Nam và xây dựng mô hình kế toán quản trị chi phí trong các doanh nghiệp sản xuất dược phẩm Việt Nam. Mô hình này bao gồm: phân loại chi phí sản xuất kinh doanh theo mối quan hệ với mức độ hoạt động, lập dự toán chi phí, xác định khối lượng sản xuất hợp lý cho từng lô, tính giá thành cho từng lô sản phẩm theo phương pháp chi phí thông thường, chi phí sản xuất chung được tách thành hai nhóm, theo cấp lô sản phẩm và theo cấp phân xưởng, phân tích biến động chi phí, lập báo cáo kết quả kinh doanh theo sản phẩm, theo bộ phận sản xuất và xây dựng giá chuyển nhượng giữa bộ phận sản xuất và các chi nhánh tiêu thụ để tăng cường trách nhiệm của các chi nhánh tiêu thụ đối với hoạt động của toàn doanh nghiệp.

Tuy nhiên, các nghiên cứu vẫn chưa có sự nghiên cứu sâu về hệ thống kế toán quản trị chi phí áp dụng cho các doanh nghiệp hoạt động sản xuất các sản phẩm từ gỗ trong nước nói chung và tại tỉnh Bình Định nói riêng. Do đó, vấn đề luận văn nghiên cứu là “Kế toán quản trị chi phí tại Công ty TNHH Tân Phước”. Vì vậy, để đạt được mục tiêu trên, tác giả nghiên cứu cơ sở lý thuyết kế toán quản trị chi phí, tìm hiểu thực trạng kế toán quản trị chi phí tại công ty và vận dụng kế toán quản trị chi phí vào hoạt động sản xuất – kinh doanh của công ty TNHH Tân Phước.

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ THUYẾT VỀ KẾ TOÁN QUẢN TRỊ CHI PHÍ TRONG DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT

1.1. CHỨC NĂNG, VAI TRÒ VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA KẾ TOÁN QUẢN TRỊ CHI PHÍ TRONG DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT

**1.1.1. Chức năng của KTQT chi phí trong doanh nghiệp
sản xuất**

- a. Chức năng phân tích chi phí.*
- b. Chức năng hoạch định chi phí.*
- c. Chức năng kiểm tra và đánh giá chi phí.*
- d. Chức năng ra quyết định sản xuất – kinh doanh.*

1.1.2. Vai trò của KTQT chi phí trong doanh nghiệp sản xuất

1.2. NỘI DUNG KẾ TOÁN QUẢN TRỊ CHI PHÍ TRONG DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT

1.2.1. Nhận diện chi phí theo yêu cầu của KTQT

Trên thực tế có rất nhiều cách phân loại chi phí khác nhau, tùy

thuộc vào nhu cầu quản lý và hạch toán mà lựa chọn tiêu thức phân loại cho phù hợp. Phân loại chi phí bao gồm:

a. Phân loại chi phí theo chức năng hoạt động.

b. Phân loại chi phí theo mối quan hệ với thời kỳ xác định kết quả kinh doanh.

c. Phân loại chi phí theo cách ứng xử chi phí.

d. Các chi phí sử dụng trong việc lựa chọn phương án kinh doanh.

1.2.2. Dự toán chi phí sản xuất – kinh doanh

Để dự toán chi phí sản xuất – kinh doanh một cách chính xác nhất, trước tiên phải phân tích chi phí hỗn hợp thành hai thành phần: chi phí khả biến và chi phí bất biến.

a. Phương pháp phân tích chi phí hỗn hợp

Các phương pháp phân tích chi phí hỗn hợp: phương pháp đồ thị phân tán, phương pháp cực đại – cực tiểu và phương pháp bình phương nhỏ nhất.

b. Dự toán chi phí sản xuất - kinh doanh

Dự toán chi phí kinh doanh gồm những dự toán về chi phí sản xuất và chi phí xác định lợi nhuận. Các dự toán này đều được lập trên cơ sở đáp ứng nhu cầu tiêu thụ và sản xuất của doanh nghiệp.

Các dự toán này được lập theo dự toán linh hoạt.

1.2.3. Tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm

a. Tập hợp chi phí sản xuất

Đối tượng kế toán chi phí sản xuất chính là việc xác định giới hạn tập hợp chi phí.

Phương pháp tập hợp chi phí sản xuất là một phương pháp hay hệ thống các phương pháp được sử dụng để tập hợp và phân loại các chi phí sản xuất trong phạm vi giới hạn của đối tượng kế toán chi phí

sản xuất: sản phẩm, lô sản phẩm, hay đơn hàng, ... Về cơ bản, phương pháp tập hợp chi phí sản xuất gồm các phương pháp: phương pháp trực tiếp và phương pháp phân bổ gián tiếp.

b. Tính giá thành sản phẩm

Tính giá thành sản phẩm theo hai phương pháp: phương pháp toàn bộ và phương pháp trực tiếp.

Theo quan điểm phương pháp toàn bộ thì giá thành sản phẩm bao gồm toàn bộ các khoản mục chi phí sản xuất (nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung).

Theo quan điểm phương pháp trực tiếp thì giá thành sản phẩm chỉ gồm biến phí sản xuất: chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp (lương) và biến phí sản xuất chung.

1.2.4. Tập hợp chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

1.2.5. Phân tích mối quan hệ giữa chi phí, khối lượng và lợi nhuận

1.2.6. Phân tích biến động chi phí SX - KD phục vụ kiểm soát chi phí

a. Khái niệm phân tích biến động chi phí sản xuất – kinh doanh

b. Phương pháp phân tích biến động chi phí SX – KD

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Kế toán quản trị chi phí là bộ phận của kế toán quản trị nhằm cung cấp các thông tin về chi phí để mỗi tổ chức thực hiện chức năng quản trị yếu tố nguồn lực tiêu dùng cho các hoạt động, nhằm xây dựng kế hoạch, kiểm soát, đánh giá hoạt động và ra các quyết định hợp lý. Kế

toán quản trị chi phí cung cấp thông tin cho các nhà quản trị doanh nghiệp trong quá trình thực hiện các chức năng quản lý.

Chương này của luận văn đã phân tích những nội dung chủ yếu của kế toán quản trị chi phí. Nội dung bao gồm phân loại chi phí, dự toán chi phí sản xuất kinh doanh, theo dõi và tính giá thành sản phẩm và phân tích biến động nhằm kiểm soát chi phí.

Phân loại chi phí được chia thành: phân loại chi phí theo chức năng hoạt động, phân loại chi phí theo mối quan hệ với thời kỳ xác định kết quả kinh doanh, phân loại chi phí theo cách ứng xử và phân loại chi phí theo việc lựa chọn phương án kinh doanh. Nhìn chung, chi phí được xem xét dưới nhiều góc độ khác nhau, mỗi tiêu thức phân loại đều có ý nghĩa đối với nhà quản trị trong quá trình kiểm soát các loại chi phí, điều hành doanh nghiệp. Mặt khác, các tiêu thức phân loại chi phí còn có ý nghĩa cung cấp thông tin cho mọi đối tượng bên ngoài để đạt được mục tiêu khác nhau.

Phương pháp phân tích chi phí hỗn hợp và dự toán các chi phí sản xuất kinh doanh. Dự toán chi phí gồm dự toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, dự toán chi phí nhân công trực tiếp, dự toán chi phí sản xuất chung, dự toán chi phí bán hàng và dự toán chi phí quản lý doanh nghiệp. Các dự toán chi phí của chương 1 đều hướng đến dự toán linh hoạt.

Bên cạnh đó, chương này đề cập đến đối tượng và phương pháp tập hợp chi phí, đối tượng và phương pháp tính giá thành sản phẩm. Tập hợp chi phí bao gồm hai phương pháp: phương pháp trực tiếp và phương pháp phân bổ gián tiếp. Tính giá thành sản phẩm theo phương

pháp toàn bộ và phương pháp trực tiếp. Theo dõi chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm là hai giai đoạn của kế toán quá trình sản xuất và chúng có mối quan hệ qua lại với nhau.

Ngoài ra, chương I đề cập đến phân tích biến động chi phí thông qua hai phương pháp: phương pháp so sánh và phương pháp phân tích mức độ ảnh hưởng của các nhân tố đến các chi phí. Việc sử dụng các phương pháp này nhằm xác định và định lượng sự ảnh hưởng các yếu tố đến biến động chi phí.

Đây là cơ sở lý luận cho việc phản ánh thực trạng về kế toán quản trị chi phí và thực hiện kế toán quản trị chi phí tại Công ty TNHH Tân Phước.

CHƯƠNG 2

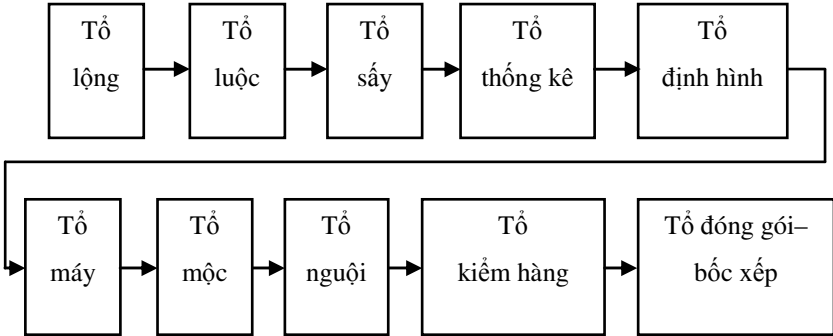
THỰC TRẠNG KẾ TOÁN QUẢN TRỊ CHI PHÍ TẠI CÔNG TY TNHH TÂN PHƯỚC

2.1. ĐẶC ĐIỂM SẢN XUẤT – KINH DOANH VÀ TỔ CHỨC QUẢN LÝ CỦA CÔNG TY TNHH TÂN

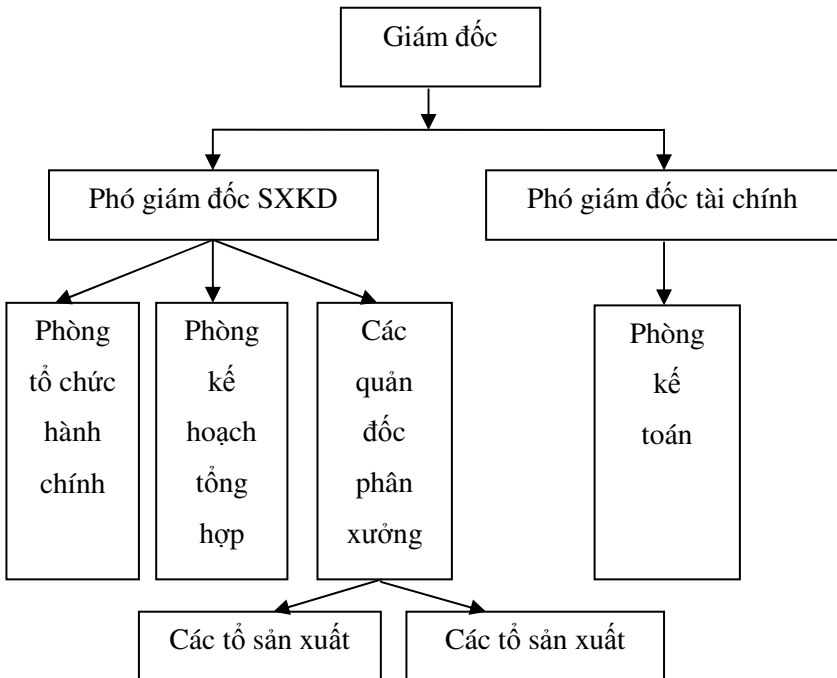
2.1.1. Đặc điểm hoạt động sản xuất – kinh doanh

2.1.2. Đặc điểm tổ chức sản xuất – kinh doanh và tổ chức quản lý tại công ty TNHH Tân Phước

a. Đặc điểm tổ chức sản xuất – kinh doanh tại công ty

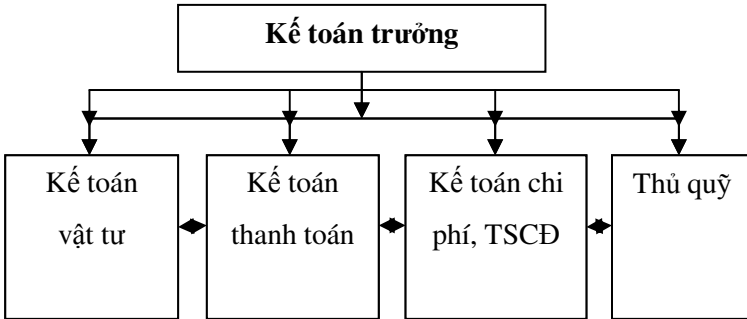


Sơ đồ: 2.1: Quy trình công nghệ sản xuất tại công ty
b. Đặc điểm tổ chức quản lý



Sơ đồ 2.3: Tổ chức quản lý của công ty

2.1.3 Đặc điểm tổ chức kế toán của công ty



Ghi chú: \longrightarrow : quan hệ chỉ đạo, kiểm tra một chiều;
 \longleftrightarrow : quan hệ kiểm soát lẫn nhau.

Sơ đồ 2.4: Mô hình kế toán của công ty

2.2. NHẬN DIỆN KẾ TOÁN QUẢN TRỊ CHI PHÍ TẠI CÔNG TY TNHH TÂN PHƯỚC

2.2.1. Công tác xây dựng định mức và dự toán chi phí

Công ty xây dựng định mức và dự toán chi phí nguyên vật liệu chính và nguyên vật liệu phụ.

Chi phí NCTT được công ty ước tính bằng 10% so với giá trị NVLTT.

2.2.2. Công tác phân loại chi phí theo yêu cầu của kế toán quản trị

Công ty phân loại chi phí theo chức năng hoạt động phục vụ cho công tác kế toán tài chính. Chi phí được phân thành chi phí sản xuất và chi phí xác định lợi nhuận.

Chi phí sản xuất: gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung.

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp bao gồm toàn bộ giá trị nguyên vật liệu, nhiên liệu sử dụng vào sản xuất – kinh doanh như gỗ nguyên liệu, dầu màu, xăng, keo, ...

Chi phí nhân công trực tiếp gồm những chi phí tiền lương, các khoản phụ cấp theo lương và tiền tăng ca của công nhân trực tiếp sản xuất.

Chi phí sản xuất chung bao gồm những chi phí trong phạm vi phân xưởng, không thể tách rời theo từng bộ phận, ngoại trừ các chi phí nguyên vật liệu và chi phí nhân công trực tiếp.

Chi phí xác định lợi nhuận: gồm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

2.2.3. Kế toán chi phí sản xuất và xác định giá thành sản phẩm

a. Kế toán chi phí sản xuất

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp chiếm gần 83% tổng chi phí, được xuất và tập hợp theo từng lô sản phẩm nhưng hạch toán cũng giống như những nguyên vật liệu khác không chi tiết theo từng lô sản phẩm.

Chi phí nhân công trực tiếp được tập hợp theo từng tháng cho toàn bộ người lao động tham gia hoạt động sản xuất.

Chi phí sản xuất chung được tập hợp cho từng tháng và không thực hiện phân bổ chi phí cho từng lô sản phẩm.

b. Xác định giá thành sản phẩm

Công ty áp dụng phương pháp giá thành toàn bộ để xác định giá thành sản phẩm. Tuy nhiên, công ty áp dụng phương pháp này để xác định giá thành sản phẩm phục vụ công tác kế toán tài chính. Thông tin này chỉ dừng lại ở việc cung cấp tổng giá thành các đơn hàng sản xuất trong một năm, không phản ánh chính xác giá thành

sản xuất theo từng lô sản phẩm, cũng như không đáp ứng được nhu cầu quản trị điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị.

2.2.4. Kế toán chi phí xác định lợi nhuận

Công ty tập hợp chi phí hàng tháng phục vụ cho công tác kế toán tài chính. Kế toán chưa tập hợp chi phí và phân bổ chi phí theo từng lô sản phẩm.

2.2.5. Phân tích biến động chi phí phục vụ cho việc ra quyết định

Từ việc chỉ thực hiện dự toán chi phí NVLTT và ước tính chi phí NCTT nên công ty không có cơ sở để phân tích biến động chi phí giữa kỳ thực tế với dự toán.

2.3. ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC KẾ TOÁN QUẢN TRỊ CHI PHÍ TRONG CÔNG TY TNHH TÂN PHƯỚC

Công tác tổ chức bộ máy kế toán tại công ty được thiết kế nhằm thu thập và xử lý thông tin kế toán tương ứng với hệ thống kế toán tài chính do Nhà nước ban hành. Bộ máy kế toán công ty đã phân chia trách nhiệm của từng nhân viên cũng như từng phần hành cụ thể. Tuy nhiên, việc phân chia này chỉ nhằm mục đích lập các sổ sách, các báo cáo tài chính. Hay nói cách khác, tổ chức kế toán công ty chỉ hướng đến kế toán tài chính mà chưa quan tâm nhiều đến kế toán quản trị chi phí. Hầu hết các thông tin nhằm sử dụng cho các chức năng quản trị ở công ty ít được quan tâm. Trên cơ sở nghiên cứu thực tế kế toán chi phí của công ty TNHH Tân Phước, thực trạng kế toán chi phí của đơn vị chủ yếu tập chung vào công tác tài chính, cụ thể:

- Phân loại chi phí: công ty TNHH Tân Phước chỉ dừng lại ở việc phân loại chi phí sản xuất – kinh doanh theo chức năng hoạt động. Việc sắp xếp các khoản mục chi phí của đơn vị thành chi phí

sản xuất và chi phí thời kỳ chủ yếu phục vụ cho nhu cầu cung cấp thông tin của kế toán tài chính. Trong khi đó, cách phân loại chi phí theo cách ứng xử không còn mới nhưng kế toán của công ty chưa quan tâm đến phân loại, xử lý cũng như nhận diện những loại chi phí rất quan trọng phục vụ mục đích kế toán quản trị như chi phí trực tiếp, chi phí gián tiếp, ... Với đặc điểm là công ty sản xuất nhưng việc phân loại chi phí theo chức năng hoạt động đã làm hạn chế trong việc dự toán chi phí. Đây lại là vấn đề ứng xử của chi phí với biên độ của hoạt động sản xuất – kinh doanh trên thị trường, rất cần thiết cho hoạt động quản trị.

- Dự toán chi phí: công ty chỉ dừng lại việc dự toán chi phí NVLTT từng lô sản phẩm. Các chi phí NCTT, chi phí SXC, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp không thực hiện lập dự toán. Công ty không thực hiện dự toán các chi phí sẽ hạn chế trong việc dự toán giá thành, dự toán lợi nhuận cho từng lô sản phẩm. Từ đó, nhà quản trị không có cơ sở thông tin cho việc ra các quyết định kinh doanh: bán với giá nào, tiêu thụ ở mức nào, mua hàng ở mức nào,

- Tập hợp chi phí và giá thành sản phẩm: công tác chi phí sản xuất và chi phí thời kỳ chỉ phục vụ cho công tác kế toán tài chính thông qua việc tập hợp chi phí và tính giá thành toàn bộ. Việc không tập hợp chi phí và tính giá thành theo phương pháp trực tiếp làm cho thông tin chi phí chưa đáp ứng được yêu cầu quản trị chi phí trong giới hạn mức hoạt động. Với việc tập hợp chi phí và tính giá thành theo phương pháp toàn bộ, kế toán của công ty chưa quan tâm

đến việc tập hợp và phân bổ chi phí theo từng lô sản phẩm. Ngoài trừ, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp được sử dụng phương pháp trực tiếp để theo dõi theo từng lô sản phẩm. Chi phí nhân công trực tiếp được theo dõi cho từng tổ. Việc tập hợp này có tác dụng góp phần cung cấp thông tin chi phí sản xuất từng lô sản phẩm giúp nhà quản trị có những quyết định lựa chọn mặt hàng sản xuất, quyết định sản xuất.

Từ việc tập hợp chi phí chủ yếu phục vụ công tác kế toán tài chính, kế toán xác định giá thành sản phẩm theo phương pháp toàn bộ. Chi phí sản xuất chung không được phân bổ cho từng lô sản phẩm nên giá thành sản phẩm của đơn vị không phản ánh giá thành lô sản phẩm. Hơn nữa, việc tổ chức theo dõi tính giá thành sản phẩm tại công ty chỉ thực hiện vào cuối kỳ kế toán nên việc tính giá thành này đáp ứng, phục vụ cho việc tính trị giá vốn hàng bán của tất cả các thành phẩm tiêu thụ trong kỳ mà không phản ánh đúng giá vốn từng lô sản phẩm cũng như chưa cung cấp thông tin phục vụ ra quyết định kinh doanh của đơn vị. Thực tế này là do hệ thống kế toán tại đơn vị chủ yếu phục vụ toàn bộ cho công tác lập các báo cáo tài chính nên phải tuân thủ theo quy định của kế toán tài chính, chưa xây dựng hệ thống kế toán quản trị chi phí phục vụ cho nội bộ doanh nghiệp. Kế toán đơn vị chưa áp dụng phương pháp chi phí trực tiếp để xác định giá thành sản phẩm. Điều này làm hạn chế tác dụng thông tin của giá thành sản phẩm trong vai trò quản trị điều hành.

- Phân tích biến động chi phí để ra quyết định kinh doanh: công ty không thực hiện phân tích chi phí để xác định các nhân tố ảnh hưởng đến sự biến động chi phí.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Từ khảo sát thực tế, ở chương này của luận văn đã giới thiệu tổng quan về đặc điểm hoạt động kinh doanh, về cơ cấu tổ chức quản lý, tổ chức kế toán của Công ty TNHH Tân Phước. Đồng thời, chương 2 đề cập đến công tác kế toán quản trị chi phí ở Công ty được thể hiện qua việc: xây dựng định mức và dự toán chi phí, phân loại chi phí, nhận diện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm, kế toán chi phí xác định lợi nhuận và đánh giá công tác kế toán quản trị chi phí tại công ty.

Đặc điểm quản lý và quy trình sản xuất khép kín. Đây là điều kiện tốt giúp công ty thực hiện xác định chi phí theo từng bộ phận sản xuất và thuận tiện trong việc phân bổ chi phí.

Công ty thực hiện phân loại chi phí theo chức năng hoạt động. Ngoài ra, việc tập hợp chi phí của công ty nhằm phục vụ công tác kế toán tài chính, chưa thực hiện tập hợp và phân bổ theo lô sản phẩm sẽ hạn chế công tác dự toán chi phí. Công ty đã thực hiện xây dựng định mức chi phí hay dự toán chi phí NVLTT cho từng lô sản phẩm. Tuy nhiên, công ty chưa dự toán các chi phí khác thuộc chi phí sản xuất nên không dự toán được giá thành sản phẩm theo từng lô sản phẩm. Hơn nữa, công ty không dự toán các chi phí xác định lợi nhuận nên không thực hiện dự toán được lợi nhuận của lô sản phẩm. Từ đó công ty không có cơ sở để phân tích biến động chi phí nhằm kiểm soát chi phí.

Từ đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh, đặc điểm kế toán cũng như thực trạng kế toán quản trị chi phí, công ty có thể vận dụng kế toán quản trị chi phí. Trên cơ sở lý thuyết chương 1, phần nghiên

cứu này sẽ là cơ sở để thực hiện kế toán quản trị chi phí tại Công ty TNHH Tân Phước ở chương 3.

CHƯƠNG 3

VẬN DỤNG KẾ TOÁN QUẢN TRỊ CHI PHÍ TẠI CÔNG TY TNHH TÂN PHƯỚC

3.1. MỤC TIÊU VÀ KHẢ NĂNG VẬN DỤNG KẾ TOÁN QUẢN TRỊ CHI PHÍ TẠI CÔNG TY

3.1.1. Mục tiêu vận dụng kế toán quản trị chi phí

3.1.2. Khả năng vận dụng kế toán quản trị chi phí tại công ty

3.2. VẬN DỤNG KẾ TOÁN QUẢN TRỊ CHI PHÍ TẠI CÔNG TY TNHH TÂN PHƯỚC

3.2.1. Phân loại chi phí phục vụ cho kế toán quản trị

Kế toán công ty chia chi phí thành ba loại: chi phí khả biến, chi phí bất biến và chi phí hỗn hợp.

Chi phí khả biến (biến phí): gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí bao bì.

Chi phí bất biến: gồm chi phí khấu hao tài sản cố định (văn phòng, phân xưởng), chi phí thuê đất, chi phí sửa chữa định kỳ, chi phí lương nhân viên bán hàng và quản lý (lương nhân viên tổ đóng gói, lương văn phòng và bảo vệ), các khoản trích theo lương, chi phí thuế môn bài, chi phí thuê đất, ...

Chi phí hỗn hợp: gồm chi phí công cụ dụng cụ sản xuất, chi phí điện, nước, chi phí vật liệu văn phòng, chi phí điện văn phòng,

3.2.2 Xây dựng định mức và dự toán chi phí

a. Xây dựng định mức chi phí sản xuất

Xây dựng định mức NVLTT cho một đơn vị sản phẩm chính là tạo cơ sở để lập dự toán chi phí NVLTT cho lô sản phẩm. Định mức NVLTT cho một đơn vị sản phẩm là tổng định mức của nguyên vật liệu chính và nguyên vật liệu phụ cho một đơn vị sản phẩm.

Định mức nguyên vật liệu chính cho một đơn vị sản phẩm: được xác định bằng cách căn cứ vào kích thước, mẫu mã của sản phẩm trong đơn hàng.

Định mức nguyên vật liệu phụ cho một đơn vị sản phẩm: định mức này đang được công ty vận dụng (xem mục 2.2.1.).

Định mức nhân công trực tiếp cho một đơn vị sản phẩm: định mức này được tính bằng tích số giữa định mức đơn giá một giờ công lao động và định mức thời gian (giờ) để hoàn tất một đơn vị sản phẩm.

- Định mức thời gian thực hiện hoàn thành một sản phẩm.
- Định mức thời gian cho một chi tiết của sản phẩm.
- Định mức đơn giá một giờ công lao động.
 - + Quy định về hệ số lương của người lao động trực tiếp.
 - + Định mức đơn giá bình quân một giờ công lao động.

Định mức chi phí sản xuất chung: sau khi tập hợp các chi phí SXC cho từng hàng tháng theo từng khoản mục chi phí (chi phí CCDC SX, điện, nước, ...), kế toán tập hợp thời gian sản xuất (số giờ lao động trực tiếp) của lao động trực tiếp theo từng tháng. Sau đó, kế toán áp dụng phương pháp phân tích bình phương nhỏ nhất để tách các chi phí hỗn hợp của chi phí sản xuất chung thành chi phí khả biến và chi phí bất biến.

b. Dự toán chi phí

Dự toán chi phí gồm dự toán tiêu thụ, dự toán sản xuất, dự toán chi phí bán hàng (CPBH) và chi phí quản lý doanh nghiệp (CPQLDN), dự toán giá vốn và dự toán báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (KQHĐKD) theo lô sản phẩm, theo đơn hàng.

- Dự toán chi phí NVLTT cho một sản phẩm hay một lô sản phẩm cũng chính là định mức NVLTT cho một sản phẩm hay định mức NVLTT cho một lô sản phẩm.

- Dự toán chi phí NCTT cho một lô sản phẩm gồm dự toán chi phí lương của nhân công trực tiếp và các khoản trích theo lương của nhân công trực tiếp (xem mục 3.2.2.).

- *Dự toán chi phí sản xuất chung cho một lô sản phẩm*: đối với những chi phí thuộc chi phí bất biến thực hiện phân bổ chi phí theo thời gian thực hiện (tính bằng ngày).

Đối với những chi phí sản xuất chung thuộc loại hỗn hợp: dự toán chi phí hỗn hợp theo phương trình tương quan thể hiện mối quan hệ giữa số giờ công lao động trực tiếp với chi phí (xem Phụ lục 04).

- *Dự toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp*: được dự toán theo từng lô sản phẩm.

- *Dự toán giá thành 1 sản phẩm*: công ty cần dự toán giá thành sản phẩm theo phương pháp trực tiếp.

- *Dự toán báo cáo KQHĐKD*: kế toán cần tiến hành lập dự toán lợi nhuận hay dự toán báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp trực tiếp cho từng lô sản phẩm.

3.2.3. Kế toán chi phí và tính giá thành sản phẩm theo yêu cầu của KTQT

a. Xây dựng tiêu thức phân bổ chi phí

Chi phí bất biến và chi phí hỗn hợp được phân bổ cho từng lô sản phẩm theo tiêu thức phân bổ: thời gian thực hiện và thời gian sản xuất.

Thời gian thực hiện là thời gian của lô sản phẩm tính theo đơn vị ngày, từ khi bắt đầu sản xuất lô sản phẩm cho đến khi kết thúc hoàn thành đóng gói lô sản phẩm. Tiêu thức này dùng để phân bổ chi phí bất biến: chi phí khấu hao TSCĐ, lương quản đốc phân xưởng, lương của bộ phận đóng gói, chi phí nhân viên quản lý, chi phí thuê đất, ...

Thời gian sản xuất là số giờ công lao động trực tiếp để sản xuất hoàn thành lô sản phẩm, ngoại trừ đóng gói. Tiêu thức này được dùng để phân bổ chi phí hỗn hợp: lương làm thêm giờ, chi phí công cụ dụng cụ sản xuất, chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng, điện, nước, ...

b. Kế toán chi phí sản xuất theo yêu cầu của KTQT

- *Đối tượng chi phí sản xuất:* Mỗi đơn hàng có thể gồm nhiều lô sản phẩm khác nhau nên đối tượng kế toán chi phí sản xuất là từng lô sản phẩm cụ thể, không kể số lượng đơn hàng đó ít hay nhiều, sản phẩm đơn giản hay phức tạp.

- *Phương pháp tập hợp chi phí sản xuất:* cùng với đặc điểm sản xuất kinh doanh theo đơn hàng, đối tượng chi phí sản xuất là lô sản phẩm thì đơn vị sử dụng hai phương pháp để tập hợp chi phí: phương pháp tập hợp chi phí trực tiếp và phương pháp phân bổ gián tiếp chi phí. Phương pháp tập hợp chi phí trực tiếp được sử dụng để tập hợp các loại chi phí liên quan trực tiếp đến lô sản phẩm: chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí khác thuộc chi phí khả biến theo từng lô sản phẩm. Phương pháp

phân bổ gián tiếp được sử dụng để tập hợp các chi phí phát sinh liên quan đến nhiều đối tượng chi phí sản xuất đã được xác định mà không thể tập hợp trực tiếp các chi phí này cho từng đối tượng: chi phí khấu hao TSCĐ phân xưởng, chi phí CCDC sản xuất, chi phí điện, nước và chi phí vật liệu sản xuất, văn phòng.

c. Tính giá thành theo yêu cầu của KTQT

Sau khi tập hợp chi phí, công ty tính giá thành sản phẩm theo phương pháp trực tiếp. Giá thành sản xuất sản phẩm gồm tổng chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và biến phí chi phí sản xuất chung.

d. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

- *Chi phí bán hàng*: việc tập hợp chi phí bán hàng được áp dụng hai phương pháp tập hợp chi phí.

- *Chi phí quản lý doanh nghiệp*: chi phí này được tập hợp và phân bổ cho từng lô sản phẩm theo thời gian thực hiện lô sản phẩm (xem Phụ lục 07).

3.2.4. Phân tích biến động chi phí phục vụ ra quyết định

a. Phân tích biến động chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm

- *Phân tích biến động chi phí NVLTT*: phân tích biến động chi phí NVLTT được tiến hành bằng phương pháp phân tích số chênh lệch để định lượng mức độ ảnh hưởng của hai yếu tố: giá và lượng.

- *Phân tích biến động chi phí NCTT*: chi phí NCTT cũng được áp dụng phương pháp phân tích số chênh lệch để xác định mức ảnh hưởng của đơn giá công và thời gian sản xuất.

- *Phân tích biến động chi phí sản xuất chung (SXC)*: chi phí SXC là chi phí hỗn hợp. Việc phân tích biến động chi phí SXC cho từng lô sản phẩm đòi hỏi phải phân tích biến động chi phí bất biến và chi phí khả biến.

b. Phân tích biến động chi phí bán hàng

c. Phân tích biến động chi phí quản lý doanh nghiệp

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Với thực trạng kế toán quản trị chi phí của Công ty TNHH Tân Phước, trong chương 3, luận văn đưa ra những nội dung để vận dụng kế toán quản trị chi phí. Luận văn này tập trung vào các nội dung: phân loại chi phí theo cách ứng xử phục vụ KTQT, xây dựng định mức dự toán chi phí, dự toán báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp trực tiếp, xây dựng các tiêu thức phân bổ (gồm hai tiêu thức: thời gian thực hiện và thời gian sản xuất), theo dõi chi phí và tính giá thành sản phẩm theo phương pháp trực tiếp và phân tích biến động chi phí phục vụ cho việc ra quyết định.

Phân loại chi phí theo cách ứng xử chi phí chia chi phí thành biến phí, định phí và chi phí hỗn hợp. Cách phân loại này ngoài việc giúp dự toán chi phí khả thi, chính xác, lập báo cáo kết quả kinh doanh theo phương pháp trực tiếp; còn góp phần phản ánh mối quan hệ giữa chi phí với mức độ hoạt động.

Xây dựng định mức dự toán chi phí gồm xây dựng bổ sung định mức dự toán chi phí NCTT, chi phí SXC, chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp. Từ đó bổ sung dự toán giá thành sản phẩm và dự toán lợi nhuận theo từng lô sản phẩm.

Theo dõi chi phí và tính giá thành theo phương pháp trực tiếp hỗ trợ việc lập báo cáo kết quả kinh doanh theo phương pháp trực

tiếp theo từng lô sản phẩm. Từ đó có những quyết định kinh doanh linh hoạt, phù hợp.

Ngoài ra, phân tích biến động chi phí chính là xác định và định lượng sự ảnh hưởng của các yếu tố đến sự thay đổi chi phí giữa kỳ thực tế với dự toán. Qua đó tăng cường công tác kiểm soát chi phí.

Việc vận dụng các nội dung này sẽ giải quyết những hạn chế về thông tin chi phí của công ty, góp phần tăng cường vai trò kế toán quản trị chi phí trong việc cung cấp thông tin phục vụ cho mục đích ra các quyết định kinh doanh của nhà quản lý.

KẾT LUẬN

Kế toán quản trị được coi là một trong những công cụ quản lý hữu hiệu trong điều kiện nền kinh tế thị trường có cạnh tranh, bởi tính linh hoạt, hữu ích và kịp thời của thông tin kế toán phục vụ yêu cầu quản trị nội bộ doanh nghiệp. Công ty TNHH Tân Phước đã sớm nhận thấy vai trò quan trọng của các công cụ kế toán cung cấp thông tin phục vụ cho việc ra quyết định. Vì vậy, Công ty đã vận dụng một số nội dung trong công tác lập dự toán, xây dựng định mức chi phí NVLTT theo từng lô sản phẩm, tập hợp chi phí NCTT theo từng tổ. Tuy nhiên công tác kế toán quản trị chi phí còn là vấn đề mới, chưa được triển khai một cách khoa học. Công ty chưa khai thác và phát huy hết ưu thế của loại công cụ quản lý khoa học này.

Qua nghiên cứu lý luận về kế toán quản trị chi phí trong doanh nghiệp sản xuất và tìm hiểu thực tế kế toán quản trị chi phí tại Công ty TNHH Tân Phước, luận văn đã giải quyết một số vấn đề sau:

- Hệ thống hoá và phát triển các lý luận chung về kế toán quản trị chi phí trong doanh nghiệp sản xuất phục vụ hiệu quả cho quản trị nội bộ: tìm hiểu bản chất, vai trò, nhiệm vụ của kế toán quản trị chi phí và nội dung của kế toán quản trị chi phí trong doanh nghiệp sản xuất.

- Đánh giá thực trạng công tác kế toán quản trị chi phí tại Công ty, những mặt đã làm được cũng như những vấn đề còn tồn tại trong công tác kế toán quản trị chi phí.

- Phân loại chi phí theo cách ứng xử của chi phí, tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành theo phương pháp trực tiếp nhằm cung cấp thông tin kịp thời cho việc ra các quyết định của nhà quản trị. Xây dựng bổ sung một số định mức chi phí phù hợp với năng lực, kinh nghiệm của Công ty và chỉ tiêu phân bổ chi phí; lập các báo cáo chi phí theo phương pháp trực tiếp, lập dự toán chi phí và phân tích biến động chi phí phục vụ kiểm soát và ra quyết định kinh doanh.

Các nội dung vận dụng kế toán quản trị chi phí xuất phát từ đặc thù tổ chức hoạt động kinh doanh của Công ty. Để thực hiện được, Công ty cần phải có bộ phận kế toán quản trị nhận thông tin về chi phí kinh doanh từ bộ phận Tài chính - Kế hoạch để thống kê, phân loại và phân tích chi phí kinh doanh và nhận thông tin từ bộ phận kho, quản đốc và tổ trưởng để tổng hợp.